TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày 29/9/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Đức Bằng, ông Nguyễn Ánh Ngọc**

Thư ký phiên tòa: **Ông Hà Văn Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023; Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 375/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự

- ***Nguyên đơn:*** **Bà Phạm Thị Thanh D,** sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D có bà Ngô Phương Hoàng G, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; Chổ ở hiện nay: ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2023)

- ***Bị đơn:*** **Ông Nguyễn Văn N,** sinh năm: 1976

Bà Phạm Thị Hồng Th, sinh năm: 1977

Cùng địa chỉ: tổ 9 ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
(Bà G, ông N vắng mặt, bà Th có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh D (do bà Ngô Phương Hoàng G là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Bà Phạm Thị Thanh D và bà Phạm Thị Hồng Th là hai chị em ruột, ngày 04/4/2022 bà D có cho vợ chồng bà Th, ông Nguyễn Văn N vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất 02%/tháng, thời hạn 05 năm, hai bên có lập giấy mượn tiền đề ngày 04/4/2023. Qúa trình vay tiền, bà Th và ông N có thanh toán cho bà D đủ số tiền lãi hằng tháng. Tuy nhiên từ ngày 04/01/2023 đến nay mặc dù đã quá thời hạn thanh toán tiền lãi nhưng vợ chồng bà Th, ông N không thanh toán thêm khoản tiền lãi tháng nào cho bà D. Bà D đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu bà Th, ông N thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận qua số thuê bao điện thoại của bà Th (0937.920.710) nhưng bà Th, ông N không thực hiện.

Nay bà D yêu cầu vợ chồng bà Th, ông N có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tính ngày 06/3/2023 đến ngày 06/9/2023, lãi suất 10%/năm số tiền là 24.900.000đ (500.000.000đ x 0,83%/01tháng x 06 tháng) cho bà D. Ngoài ra, bà D không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác, ngày 25/9/2023 bà G có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Theo biên bản lấy lời ngày 24/3/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông N thừa nhận đã được Tòa án cho xem qua giấy mượn tiền do bà Phạm Thị Thanh D cung cấp, ông N thừa nhận chữ viết, chữ ký tên bà Phạm Thị Hồng Th và tên ông Nguyễn Văn N trong giấy mượn tiền đề ngày 04/4/2022 là của ông N và bà Th. Ông N thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà D số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng. Nay bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông có nghĩa vụ trả số tiền gốc 500.000.000đ và tiền lãi thì ông thừa nhận nợ và đồng ý trả cho bà D. Tuy nhiên hiện nay do bà Th đang bị bệnh liên quan đến thần kinh, không nhận thức được hành vi của mình nên ông đề nghị bà D cho vợ chồng ông thời gian để sắp xếp thanh toán tiền cho bà D.

- Bị đơn bà Phạm Thị Hồng Th trong suốt quá trình giải quyết vụ án không lên Tòa án làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến cũng như giao nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bà Th có mặt nhưng không trình bày được lời khai, các ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+/ Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án. Việc xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đối với vụ án được thực hiện đúng theo quy định, việc gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn luật định.

+/ Về nội dung: Xét việc vay tiền giữa bà Phạm Thị Thanh D với ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Hồng Th là trên cơ sở tự nguyện giữa hai bên, có sự thỏa thuận về thời hạn trả. Kết luận giám định số: 5155/KL-KTHS ngày 18/8/2023 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định chữ ký trên giấy mượn tiền là của bà Th và ông N đã thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình. Việc gia đình bà Th cho rằng bà Th bị mất trí nhớ nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh vì không đi giám định tâm thần theo yêu cầu của Tòa án, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông N, bà Th phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) cho bà D.

- Về lãi suất: Do bà D yêu cầu ông N, bà Th trả lãi suất chậm trả với mức 0,83%/01tháng trên tổng số tiền vay tính từ ngày 06/3/2023 đến ngày 06/9/2023 là 24.900.000đ, xét thấy mức lãi suất này không vượt quá quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí: Buộc ông N, bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc đại diện của các đương sự: Ngày 09/3/2023 bà Phạm Thị Thanh D có văn bản ủy quyền cho bà Ngô Phương Hoàng G việc ủy quyền của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật nên hợp pháp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh D thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Hồng Th có nơi cư trú tại số ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất có thẩm quyền giải quyết.

[4] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định bà Phạm Thị Thanh D là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị Hồng Th là bị đơn.

[5] Về xét xử vắng mặt đương sự: Ngày 25/9/2023 bà Ngô Phương Hoàng G là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn N đã Tòa án tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa số: 375/QĐST-DS ngày 12/9/2023, tại phiên tòa hôm nay, ông N vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông N, bà G.

[6] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí, quyền

kháng cáo thì áp dụng các Điều 26, 35, 39, 68, 91, 147, 184, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

[7] Về đường lối giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh D (do bà G là người đại diện theo ủy quyền) yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Hồng Th có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đã vay là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) là có cơ sở. Bởi lẽ, bà D đã cung cấp được tài liệu chứng cứ là giấy vay tiền do ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Hồng Th ký tên đề ngày 04/4/2022 có nội dụng ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Hồng Th vay của bà Phạm Thị Thanh D số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) (BL 69). Tòa án đã tiến hành giám định chữ kỹ của ông N, bà Th tại giấy vay tiền đề ngày 04/4/2022 với chữ ký của ông N, bà Th tại Tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất đề ngày 01/8/2016, tại Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đề ngày 01/8/2016, ngày 27/5/2019, tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chứng thực ngày 01/8/2016 và tại ba Biên bản lấy lời khai của Tòa án cùng ngày 24/3/2023 theo Kết luận số 5155/KL-KTHS ngày 18/8/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký của bà Phạm Thị Hồng Th là do cùng một người ký ra (BL 94). Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc lấy lời khai của ông Nguyễn Văn N chồng bà Th để làm rõ nội dung theo yêu cầu của bà D, qua làm việc ông N xác định *"... tôi thừa nhận chữ viết, chữ ký tên bà Phạm Thị Hồng Th và tên tôi Nguyễn Văn N trong giấy mượn tiền đề ngày 04/4/2022 là của tôi và bà Th. Tôi thừa nhận vợ chồng tôi có vay bà D số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng)..."* (BL 32).

Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn đối với số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) tính từ ngày 06/3/2023 đến ngày 06/9/2023 lãi suất 10%/năm thành tiền là 24.900.000đ (500.000.000đ x 0,83%/01tháng x 06 tháng) thì thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: *"Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc,..."* và Điều 6 của Nghị quyết quy định về "*Xác định thời điểm xét xử sơ thẩm và thời gian chậm trả"* thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N, bà Th lên làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà Th đều vắng mặt. Ông N chồng bà Th xác định *"...hiện bà Th đang bị bệnh liên quan đến thần kinh, không nhận thức được hành vi của mình, nên tôi đề nghị bà D cho vợ chồng tôi thời gian để tôi sắp xếp thanh toán tiền cho bà D..."* (BL 32). Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp của bà Th,

Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án để bà Th có văn bản trình ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo nếu có và tống đạt Thông báo số 01/TB-TA ngày 11/5/2023, Thông báo số 02/TB-TA ngày 10/7/2023 về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ cho ông Nguyễn Văn N, bà Đặng Thị Hồng L (là chồng và mẹ ruột của bà Th) để tiến hành đưa bà Th đi giám định pháp y tâm thần theo quy định tại Điều 22, 23, 24 Bộ luật Dân sự năm 2015 (BL 35, 74) trên cơ sở đó để xác định người đại diện, giám hộ cho bà Th nhưng ông N và gia đình bà Th không thực hiện. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật. Mặt khác, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà Th cư trú, xác định bà Th không có dấu hiệu bệnh liên quan đến thần kinh như gia đình bà Th cung cấp, gia đình có đến liên hệ Ủy ban nhân dân xã hỏi về thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 123, tờ bản đồ số 64 tại xã B, huyện Thống Nhất đứng tên bà Phạm Thị Hồng Th (BL 95a)

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu của bà D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Hồng Th có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 06/3/2023 đến ngày 06/9/2023 là 24.900.000đ (hai mươi bốn triệu, chín trăm ngàn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của bà D được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Hồng Th phải chịu án phí sơ thẩm và hoàn trả cho bà D số tiền tạm ứng án đã nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, 91; khoản 4, Điều 147; Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị Hồng Th.

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị Hồng Th có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị Thanh D tổng số tiền là 524.900.000đ (năm trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm ngàn đồng), trong đó: tiền vay gốc 500.000.000đ và tiền lãi 24.900.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị Hồng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.996.000đ (hai mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng) [20.000.000đ + (124.900.000đ x 4%)].

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thanh D số tiền tạm ứng án đã nộp là 12.460.000đ (mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009273 ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Bị đơn bà Phạm Thị Hồng Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND h. Thống Nhất;
- CCTHADS h. Thống Nhất;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Vũ Mạnh Cường